

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 441/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 30-9-2024.
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA,
TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thiều Thị Phi Loan.

Bà Vương Thị Khánh Loan.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trọng Duy – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 75/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 352/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 457/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Bùi Đình L, sinh năm 1962; Nơi cư trú: Nhà không số, tổ A, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Nhà không số, tổ A, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông L có đơn xin vắng mặt, bà T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/12/2023, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Bùi Đình L trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Trần Thị T tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 53 ngày 20/03/2018.

Quá trình chung sống 05 năm nhưng không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hòa với nhau, dùng lời nói xúc phạm nhau dẫn đến sút mẻ tình cảm.

Mặc dù ông và bà T đã nhiều lần nói chuyện với nhau để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả mà còn ngày càng trầm trọng và gay gắt hơn nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị T.

- Về con chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết
- Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 24/01/2024, bị đơn bà Trần Thị T trình bày:

Bà và ông ông Bùi Đình L về chung sống với nhau được 10 năm, sau đó ông L có người bên ngoài thì về chửi bới và đuổi bà ra khỏi nhà. Quá trình chung sống thì ông L đã đuổi bà ra khỏi nhà 04 lần, hiện nay bà đã phải dọn ra ngoài ở trọ được hơn 01 tháng. Nay ông L yêu cầu được ly hôn thì bà cũng đồng ý.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án trong thời hạn luật định. Xác định đúng tư cách đương sự.
- Việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.
- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự:

Ông Bùi Đình L thực hiện đúng các quy định về quyền của người khởi kiện, đã cung cấp những tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, tham gia các buổi làm việc, phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng giấy triệu tập của Tòa án và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật.

Bà Trần Thị T trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không chấp hành, vắng mặt không có lý do.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Về yêu cầu ly hôn của ông Bùi Đình L thì căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông Bùi Đình L và bà Trần Thị T không còn quan tâm chăm sóc đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Bùi Đình L.

Về nuôi con chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Ông Bùi Đình L được miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Bùi Đình L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị T; đồng thời Công an phường T, thành phố B xác định bà Trần Thị T hiện đang sinh sống tại địa chỉ tổ A, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Do đó, căn cứ các Điều 28, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Bà Trần Thị T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt giấy triệu tập, văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần để đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh H vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không thể tiến hành hòa giải các bên đương sự được.

Bà Trần Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Ông Bùi Đình L và bà Trần Thị T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 53 ngày 20/03/2018 nên công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo trình bày của ông Bùi Đình L thì Quá trình chung sống 05 năm nhưng không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hòa với nhau, dùng lời nói xúc phạm nhau dẫn đến sút mẻ tình cảm. Mặc dù ông và bà T đã nhiều lần nói chuyện với nhau để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả mà còn ngày càng trầm trọng và gay gắt hơn nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị T.

Về phần bà Trần Thị T cũng đồng ý ly hôn với ông Bùi Đình L.

Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Bùi Đình L với bà Trần Thị T, giải quyết cho ông Bùi Đình L được ly hôn với bà Trần Thị T.

[3] Về nuôi con chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Ông Bùi Đình L được miễn án phí theo quy định.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thành phố Biên Hòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 và các Điều 147, 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 5, 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27; tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ông Bùi Đình L được ly hôn với bà Trần Thị T.
2. Về nuôi con chung: Không có nên không đặt ra xem xét.
3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.
4. Về án phí sơ thẩm: Ông Bùi Đình L được miễn án phí theo quy định.
5. Về quyền kháng cáo: Ông Bùi Đình L, bà Trần Thị T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự (02);
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai (01);
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa (01);
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa (01);
- UBND phường Tân Chánh Hiệp, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Anh Đức